

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 9 - 2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Thuận.

Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cảnh Nha –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 134/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Thạch K; Sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp Pr, xã T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Bị đơn: Thạch Thị S; Sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp Pr, xã T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Thạch K trình bày:

Về hôn nhân: Ông Thạch K và bà Thạch Thị S tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26, ngày 18/01/2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, thường hay cự cãi nhau, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, ông K và bà S đã ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Nay ông K xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà S không còn, nên ông K yêu cầu ly hôn với bà S; Về con chung: Trong thời gian chung sống ông K và bà S có 01 người con chung tên là Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012. Hiện nay, Mỹ Nh đang sống chung với bà S, ông K yêu cầu giao con chung là Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012 cho bà S nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, ông K sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên ông K không có yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 6 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Thạch Thị S trình bày: Về hôn nhân: bà Thạch Thị S không đồng ý ly hôn, vì bà còn thương chồng; Về con chung: Bà S thống nhất nuôi con chung là Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012 cho đến khi thành niên, yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà S không yêu cầu gì.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung, đề nghị xử giao cháu Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012 cho bà S nuôi dưỡng đến khi thành niên, buộc ông K phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Thạch K và bà Thạch Thị S là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 4/2021, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay ông và bà không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của ông và nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa, ông K yêu cầu được ly hôn với bà S là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông K. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của

Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông K được ly hôn với bà Dung. Bà Thạch Thị S không đồng ý ly hôn, nhưng bà S không tìm giải pháp hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên yêu cầu của bà S không có cơ sở để chấp nhận.

[1.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống ông K và bà S có 01 người con chung là Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012. Tại phiên tòa, ông K yêu cầu giao con chung là Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012 cho bà S nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông K sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị đơn là bà Thạch Thị S cũng thống nhất nuôi con chung là Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012 cho đến khi thành niên, thống nhất với mức cấp dưỡng của ông K. Xét thấy: Giữa ông K và bà S đã thỏa thuận được việc nuôi con và việc cấp dưỡng. Do đó, cần xử giao cháu Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012 cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Mỹ Nh thành niên. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Thạch Ngọc Mỹ Nh mỗi tháng là 1.000.000 đồng do bà Thạch Thị S đại diện nhận tiền cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2021 DL) cho đến khi cháu Thạch Ngọc Mỹ Nh thành niên, phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông K, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[1.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà S không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[1.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng ông K phải chịu án phí là 600.000 đồng; Bà S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thạch K.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Thạch K được ly hôn với bà Thạch Thị S.
2. Về con chung: Giao cháu Thạch Ngọc Mỹ Nh, sinh ngày 27/11/2012 cho bà S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh thành niên. Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Thạch Ngọc Mỹ Nh mỗi tháng là 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*), do bà Thạch Thị S đại diện nhận tiền cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (16/9/2021 DL) cho đến khi cháu Nh thành niên, phương thức cấp dưỡng là cấp dưỡng hàng tháng. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông K, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông K và bà S không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thạch K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), tổng cộng ông K phải chịu án phí là 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*), nhưng ông K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007864 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông K còn phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*); bà S không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Ông Thạch K và bà Thạch Thị S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Mỹ Xuyên